

ĐỀ 1

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	<p>- Các yếu tố biểu cảm được sử dụng trong văn bản : ngôn ngữ dung dị, nhẹ nhàng, giọng điệu sẻ chia.</p> <p>- Vai trò của các yếu tố biểu cảm : giúp cho văn bản sinh động, hấp dẫn, thuyết phục, có sức truyền cảm mạnh mẽ đến người đọc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	0,5
	9	<p>- HS bày tỏ ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả.</p> <p>- Học sinh lý giải hợp lý, chặt chẽ, thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
	10	<p>- Học sinh trình bày những thông điệp tích cực đối với bản thân mình. Thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của văn bản và mang tính đạo đức, thẩm mỹ.</p> <p>- Gợi ý một số thông điệp tích cực:</p> <p>+ Nhận thức được ý nghĩa của mái nhà, của gia đình và cách thức để tạo ra sự bình yên trong gia đình mình.</p> <p>+ Không nên thụ động hưởng thụ hay chờ đợi sự bình yên có sẵn trong gia đình mà cần hành động tích cực để tham gia vào quá trình thiết lập và tái thiết lập sự bình yên đó....</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm.</p>	1.0

	- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	
II	VIẾT	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thuyết phục các bạn học sinh từ bỏ thói quen lười biếng, thiếu tinh thần tự giác, chủ động trong học tập Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	2,5
	- Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận. - Trình bày biểu hiện của thói quen lười biếng, thiếu tinh thần tự giác, chủ động trong học tập. Một số nguyên nhân dẫn đến thói quen này ở các bạn học sinh. - Phân tích tác hại của thói quen lười biếng, thiếu tinh thần tự giác, chủ động trong học tập : ảnh hưởng đến sự phát triển, tiến bộ của bản thân trong học tập và công việc, ảnh hưởng đến mọi người, kìm hãm sự phát triển của xã hội... - Đề xuất cách từ bỏ, các bước từ bỏ thói quen lười biếng, thiếu tinh thần tự giác, chủ động trong học tập. - Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ được thói quen lười biếng, thiếu tinh thần tự giác, chủ động trong học tập. Hướng dẫn chấm: + <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp : 2,0- 2,5 điểm</i> + <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng còn sơ sài : 1,0 điểm – 1,75 điểm.</i> + <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục, còn chung chung, lộn xộn : 0,25 điểm – 0,75 điểm.</i> . Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5	
e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5	
I + II		10

ĐỀ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	<p>- Các yếu tố biểu cảm được sử dụng trong văn bản : ngôn ngữ dung dị, nhẹ nhàng, giọng điệu sẻ chia.</p> <p>- Vai trò của các yếu tố biểu cảm : giúp cho văn bản sinh động, hấp dẫn, thuyết phục, có sức truyền cảm mạnh mẽ đến người đọc.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	0,5
	9	<p>- HS bày tỏ ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả.</p> <p>- Học sinh lý giải hợp lý, chặt chẽ, thuyết phục.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
	10	<p>- Học sinh trình bày những thông điệp tích cực đối với bản thân mình. Thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của văn bản và mang tính đạo đức, thẩm mỹ.</p> <p>- Gợi ý một số thông điệp tích cực:</p> <p>+ Nhận thức được lòng tự tin bắt đầu từ sự biết mình- hiểu rằng mỗi người luôn có sẵn trong mình những giá trị nhất định.</p> <p>+ Cần hiểu đúng bản thân mình, tin vào giá trị của mình và nỗ lực cố gắng phát huy những giá trị ấy ở mức tốt nhất...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm.</p>	1.0

	- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.	
II	VIẾT	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thuyết phục các bạn học sinh từ bỏ thói quen không đội mũ bảo hiểm, đi hàng ba hàng tư, lạng lách khi tham gia giao thông trên đường. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	2,5
	- Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận. - Trình bày biểu hiện của thói quen không đội mũ bảo hiểm, đi hàng ba hàng tư, lạng lách khi tham gia giao thông trên đường. Một số nguyên nhân dẫn đến thói quen này ở các bạn học sinh. - Phân tích tác hại của thói quen không đội mũ bảo hiểm, đi hàng ba hàng tư, lạng lách khi tham gia giao thông trên đường : ảnh hưởng đến sự phát triển, tiến bộ của bản thân trong học tập và công việc, có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, ảnh hưởng đến mọi người, gây mất an toàn trong giao thông... - Đề xuất cách từ bỏ, các bước từ bỏ thói quen không đội mũ bảo hiểm, đi hàng ba hàng tư, lạng lách khi tham gia giao thông trên đường. - Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ được thói quen không đội mũ bảo hiểm, đi hàng ba hàng tư, lạng lách khi tham gia giao thông trên đường. Hướng dẫn chấm: + <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp</i> : 2,0- 2,5 điểm + <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng còn sơ sài</i> : 1,0 điểm – 1,75 điểm. + <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục, còn chung chung, lộn xộn</i> : 0,25 điểm – 0,75 điểm. . Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. .	
d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5	
e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5	
I + II		10